



TỔNG CÔNG TY 28  
CÔNG TY CP 28 HƯNG PHÚ



Phong cách tự tin, phong cách lịch lãm

Điện thoại : 0283 8941 228  
Fax : 0283 8941 688  
Website : [www.28hungphu.com](http://www.28hungphu.com)  
Email : [info@28hungphu.com](mailto:info@28hungphu.com)  
Địa chỉ : 168 Quang Trung, Phường 10, quận  
Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh





## MỤC LỤC

- 4 TỔNG QUAN CÔNG TY
- 18 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
- 34 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- 40 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 48 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 54 QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 62 BÁO CÁO TÀI CHÍNH





## TỔNG QUAN CÔNG TY

- THÔNG TIN CHUNG
- NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



# 01

## TỔNG QUAN CÔNG TY



### CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

28 HUNG PHU JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: 28 HUNG PHU JOINT STOCK COMPANY

Giấy CNĐKDN số: 4103005810 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 6 năm 2008.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 20.000.000.000 VNĐ

Địa chỉ: Số 168 Quang trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (028) 3894 1228

Website: [www.28hungphu.com](http://www.28hungphu.com)

Email: [info@28hungphu.com](mailto:info@28hungphu.com)

Mã cổ phiếu: HPU

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc (trừ tủy, nhuộm, hồ, in);
- Sản xuất, mua bán các loại nguyên phụ liệu, vật tư, bao bì, máy móc thiết bị ngành may mặc (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Đại lý giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;

#### Địa bàn kinh doanh

Trên lãnh thổ Việt Nam, đồng thời xuất khẩu sang thị trường các nước: Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, ...





# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**1991**

Công ty cổ phần 28 Hưng Phú tiền thân là Xí nghiệp may 28 - cơ sở 2 được thành lập theo quyết định số 877/QĐ-CB ngày 02/12/1991 của Giám đốc Xí nghiệp, có nhiệm vụ sản xuất quân trang phục vụ quân đội và tham gia làm hàng kinh tế xuất khẩu, hạch toán phụ thuộc Xí nghiệp X28 theo chỉ đạo của Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần, nhằm đảm bảo cho Xí nghiệp X28 vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ phục vụ sản xuất quốc phòng, vừa nâng cao năng lực sản xuất hàng xuất khẩu.



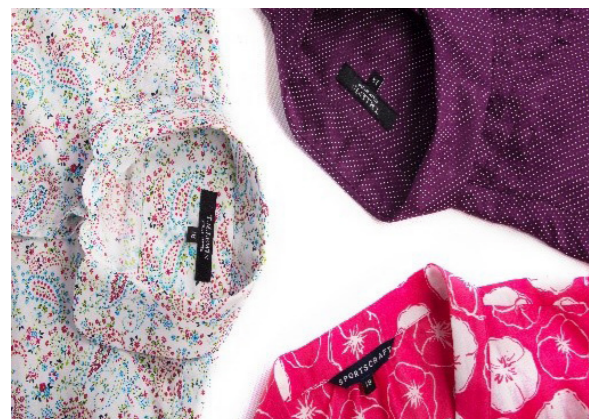
**1992**

Trước yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất của Xí nghiệp X28, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao tính độc lập, tự chủ trong sản xuất kinh doanh ngành may mặc. Đề án tổ chức Công ty may 28 được Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần phê duyệt. Ngày 11/12/1992, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 718/QĐ-QP về kiện toàn Xí nghiệp may X28 thành Công ty may 28 trực thuộc Tổng cục Hậu cần, theo đó (Xí nghiệp may 28 - cơ sở 2) được đổi tên thành Xí nghiệp may 28.2.



**1998**

Ngày 18/4/1998, Thủ tướng Tổng cục Hậu cần ra Quyết định số 74 - QĐDDH16 phê duyệt cơ cấu tổ chức Công ty 28, theo đó Xí nghiệp may 28.2 được đổi tên thành Xí nghiệp 28-2 thuộc Công ty 28



**2018**

Liên tiếp trong 5 năm qua (2014-2018) Công ty được tổ chức WRAP đánh giá và cấp giấy chứng nhận hoạt động sản xuất kinh doanh đúng với các nguyên tắc xử lý theo tiêu chuẩn trách nhiệm toàn cầu về sản xuất may mặc. Ngày 05/6/2018, Bộ trưởng bộ Tài chính tặng bằng khen cho Công ty vì có thành tích thực hiện tốt công tác kê khai, nộp thuế năm 2017.



**2017**

Ngày 29/12/2017, Công ty cổ phần 28 Hưng Phú chính thức được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM

**2006**

Ngày 4/4/2006, Bộ quốc phòng đã có quyết định số 758/QĐ về việc cổ phần hóa xí nghiệp 28-2 thuộc Công ty 28 tổng cục Hậu cần. Ngày 21/9/2006, Bộ Trưởng Bộ quốc phòng đã có quyết định số 2431/QĐ BQP về việc phê duyệt phương án và chuyển xí nghiệp 28-2 thuộc Công ty 28 thành CTCP 28 Hưng Phú

Ngày 25/10/2006 Công ty tổ chức bán đấu giá công khai tại hội trường Tổng Công ty 28 ( số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, quận Gò Vấp, TP.HCM) với kết quả: Tổng số lượng cổ phần bán được 155.500 cổ phần. Giá đấu thành công bình quân là 10.501 đồng/cổ phần. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.





# THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

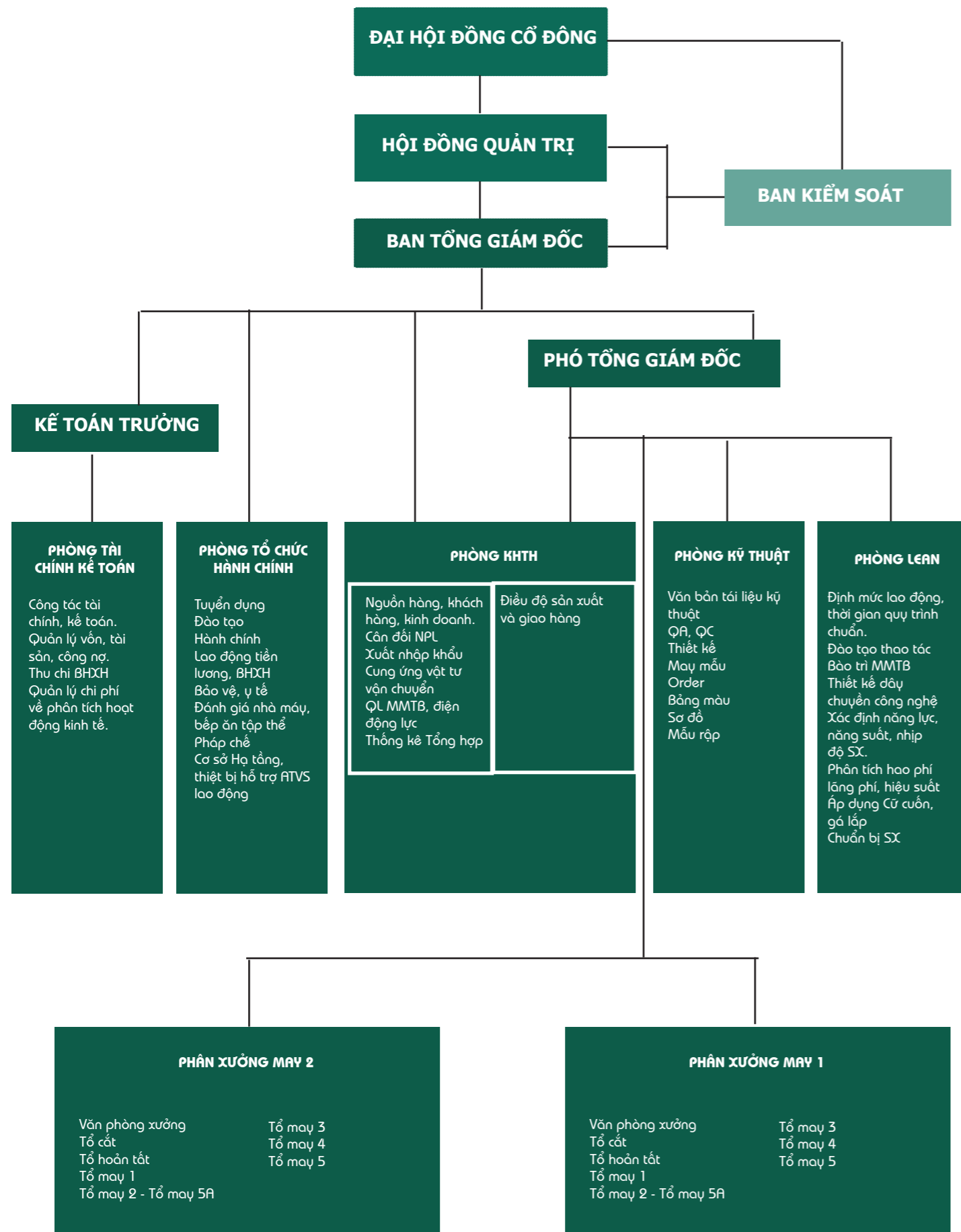
## Những thành tích công ty đạt được trong năm 2018:

- Bằng khen của Bộ Tài chính: Đã có thành tích thực hiện tốt công tác kê khai, nộp thuế năm 2017 – Quyết định số 846/QĐ-BTC ngày 05/6/2018 của Bộ Tài chính.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2016 đến năm 2017, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc - Quyết định số 1908/QĐ-BQP ngày 24/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2018). Quyết định số 2878/QĐ-BQP ngày 19/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
- Giấy khen của Tổng công ty 28: Đã có thành tích tốt trong sơ kết phong trào "Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới" giữa giai đoạn (2016 - 2020). Quyết định số 366/QĐ-TCT ngày 10/5/2018 của Tổng giám đốc Tổng công ty 28.
- Bằng khen của Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua quyết thắng giai đoạn 2013 - 2018 – Quyết định số 555-QĐ/HC ngày 30/10/2018 của Chính ủy Tổng cục Hậu cần
- Giấy khen của UBND Quận Gò Vấp: Đã tích cực tham gia phong trào "Hiền máu tình nguyện" năm 2018 – Quyết định số 3964/QĐ-UBND ngày 12/11/2018
- Bằng khen Tổng cục Chính trị - QĐNDVN: Hội phụ nữ có mô hình thi đua xuất sắc trong triển khai phong trào thi đua và các cuộc vận động của Phụ nữ Quân đội 2016-2018 – Quyết định số 1988/QĐ-CT ngày 13/11/2018 của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
- Cờ thi đua của Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng: Đơn vị xuất sắc dẫn đầu trong phong trào thi đua quyết thắng năm 2018 – Quyết định số 712/QĐ-HC ngày 25/12/2018.
- Công đoàn cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Cờ Thi đua: Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn và phong trào công nhân năm 2018.
- Hội phụ nữ cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Bằng khen: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào phụ nữ Quân đội năm 2018.
- Đoàn thanh niên cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Cờ thi đua: Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên năm 2018.





# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- 28 Hưng Phú luôn theo đuổi mục tiêu trở thành nhà sản xuất áo sơ mi nam nữ cao cấp hàng đầu Việt nam và có danh tiếng trên thế giới.
- Duy trì vị trí dẫn đầu và thế mạnh cạnh tranh bằng những sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao; xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín, chuyên nghiệp với khách hàng, đối tác.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú luôn theo đuổi mục tiêu trở thành nhà sản xuất áo sơ mi nam nữ cao cấp hàng đầu Việt Nam và có danh tiếng trên thế giới.

**Chiến lược về thị trường:** "Duy trì vị trí dẫn đầu và thế mạnh cạnh tranh bằng những sản phẩm dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao, xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín, chuyên nghiệp với các khách hàng, đối tác" cụ thể:

- Xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú là một thương hiệu mạnh "Đẳng cấp về chất lượng hàng cao cấp" tự chủ làm hàng FOB tự chủ với nước ngoài (Cấp 2) không qua VP đại diện của khách hàng, tự thiết kế sản xuất theo hình thức ODM.
- Tập trung vào thị trường Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản, phát triển thêm thị trường trong nước và từng bước mở rộng sang thị trường của nước khác trong khu vực.
- Đầu tư và hợp tác đầu tư liên doanh liên kết với các đơn vị cùng ngành nghề để tận dụng năng lực, mở rộng sản xuất.
- Phát triển thêm các phương thức kinh doanh hàng nội địa, ngành nghề khác khi có điều kiện.

**Chiến lược tổ chức và phát triển doanh nghiệp:** Hoàn thiện mô hình tổ chức Công ty, tăng tính chuyên môn hoá cao trong lĩnh vực may mặc truyền thống với trình độ quản lý tiên tiến, hiện đại so với các nước trong khu vực. Xây dựng và phát triển Công ty với mức tăng trưởng ổn định, bền vững và có tính cạnh tranh cao.

**Chiến lược về đầu tư:** Tiếp tục đầu tư MMTB chuyên dùng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo hướng hiện đại, công nghệ mới và tiên tiến, đáp ứng yêu cầu SXKD phát triển với tốc độ cao, đảm bảo tất cả sản phẩm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tiến độ giao hàng. Đầu tư và phát triển lĩnh vực sản xuất kinh doanh: mở rộng sản xuất, cải tạo văn phòng, nhà kho, xưởng cắt... Đầu tư và hợp tác đầu tư tài chính dưới hình thức đầu tư trực tiếp: tài chính - tín dụng, ngân hàng...

**Chiến lược xây dựng, phát triển nguồn nhân lực:** Đào tạo và đào tạo lại nhằm phát triển nguồn lực con người của Công ty mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, phù hợp với cơ chế quản lý tiên tiến.

**Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính:** Xây dựng và phát triển nguồn lực về tài chính đủ mạnh đảm bảo vốn cho đầu tư và SXKD. Khai thác triệt để mọi tiềm năng về vốn, để phát triển Công ty, nâng cao tiềm lực và khả năng cạnh tranh ở trong và ngoài nước.

**Chiến lược ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên bộ:** Phát triển ứng dụng khoa học kĩ thuật, công nghệ mới vào công tác quản lý điều hành, tổ chức sản xuất. Xây dựng, áp dụng các loại hình quản lý, điều hành phù hợp với trình độ của các nước trong khu vực.





## CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

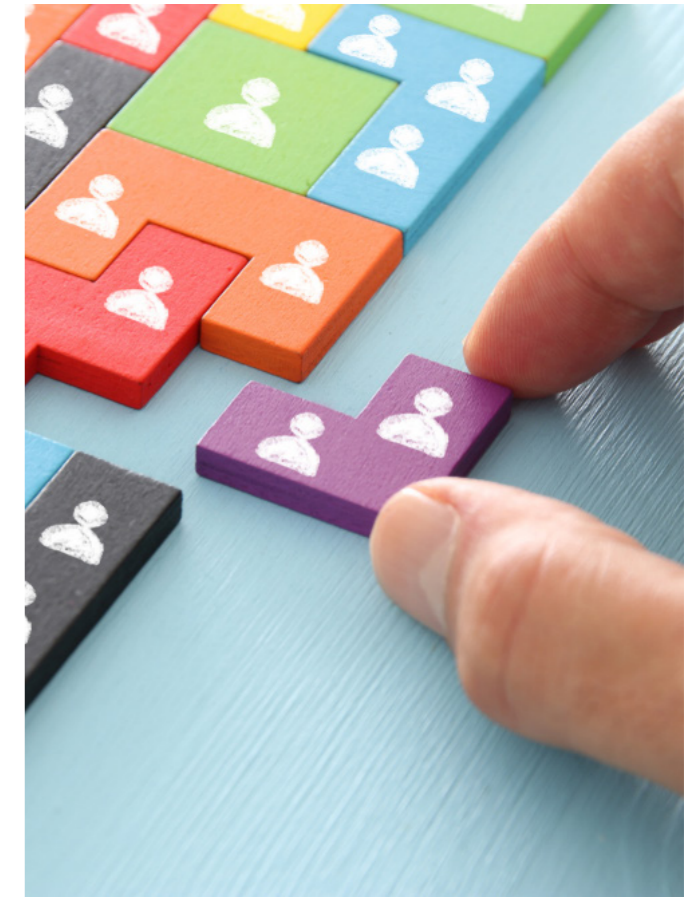
Nền kinh tế nước ta năm 2018 đang diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7,08% so với năm 2017, cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Tăng trưởng kinh tế đồng đều, thị trường tài chính chuyển biến ổn định, hoạt động đầu tư, thương mại có xu hướng cải thiện. Đặc biệt, trong năm nay thị trường xuất khẩu hàng dệt may đạt trên 36 tỷ USD, đây là bước đánh dấu sự chuyển biến tích cực của ngành. Bên cạnh những diễn biến tích cực trên, ngành vẫn còn nhiều khó khăn: thâm hụt và biến động lao động vẫn còn cao và diễn biến bất thường, các diễn biến tác động đến thị trường xuất khẩu vẫn khó có thể dự báo, chi phí đầu vào tiếp tục tăng với mức cao, một số chính sách liên quan đến bảo hiểm, lương tối thiểu tác động lớn đối với doanh nghiệp sử dụng nhiều nhân công... Trong xu hướng toàn cầu hóa, mở cửa và hội nhập không ngừng, kinh tế Việt Nam có nhiều thuận lợi và đã đạt được những bước tiến vượt bậc nhưng cũng kèm theo rất nhiều khó khăn và thử thách.

Để đảm bảo an toàn và kinh doanh có hiệu quả Công ty luôn cố gắng thích nghi và tận dụng cơ hội trước mọi diễn biến của thị trường. Trong những năm qua Công ty luôn đẩy mạnh chất lượng sản phẩm để đạt được kỳ vọng đặt ra, đồng thời tăng cường đầu tư các định hướng phát triển của mình để hạn chế những rủi ro khi thị trường có biến động.

### Rủi ro về nguồn lực

Rủi ro đặc thù của ngành may mặc là thâm hụt nguồn lao động rất lớn. Điều này đặc biệt đúng với HPU khi sản phẩm của Công ty chủ yếu xuất khẩu vào các thị trường đòi hỏi phải đáp ứng nhiều yêu cầu rất khắt khe nên nhân lực chất lượng cao lại càng có vai trò quan trọng. Công ty thường đối mặt với khó khăn khi nhân công có thể bị thu hút bởi các công ty đối thủ hoặc các doanh nghiệp dệt may có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đang ồ ạt đầu tư vào thị trường Việt Nam. Các doanh nghiệp FDI có lợi thế hơn hẳn so với các doanh nghiệp nội địa do có nguồn vốn rất dồi dào. Ngoài ra, nguồn nhân lực trong nước vẫn còn đang thiếu cả về số lượng và chất lượng, nhiều lao động lại có xu hướng muốn đi lao động ở nước ngoài do mức lương và ưu đãi khá hấp dẫn. Sự thiếu hụt nhân sự hoặc không đáp ứng được các yêu cầu trên đều có ảnh hưởng đến việc đàm phán hợp đồng của Công ty.

Để duy trì nguồn lao động tại HPU, Công ty đã nỗ lực nâng cao chính sách đãi ngộ, lương thưởng, phúc lợi, đồng thời được sự đồng hành, hỗ trợ rất tích cực của các cấp Công đoàn cũng là một yếu tố góp phần ổn định nguồn lao động tại Công ty. Chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề cho CBCNV theo các tiêu chuẩn Quốc tế hoặc tiêu chuẩn do những đối tác đưa ra, đây cũng là cơ hội để người lao động tự nâng cao trình độ của bản thân



### Rủi ro tỷ giá

HPU là một trong những doanh nghiệp Việt Nam chuyên xuất khẩu may mặc, Công ty đã xuất khẩu hàng triệu sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế đi khắp thế giới, trong đó Anh, Mỹ, Australia là những thị trường chủ yếu với một hàng chủ lực là Áo sơ mi nam/nữ cao cấp. Bên cạnh đó, nguồn cung cấp nguyên vật liệu đều gắn liền với các đối tác nước ngoài nên việc thanh toán bằng nguồn ngoại tệ mua từ Ngân hàng là thường xuyên. Nên sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro, Công ty đã thường xuyên theo dõi sát biến động của các nhân tố chính có tác động đến tỷ giá cũng như sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để bảo hiểm tỷ giá đối với các hợp đồng xuất nhập khẩu. Ban lãnh đạo luôn theo sát diễn biến của tỷ giá hối đoái, dự phòng phương án xử lý nếu có biến động lớn vì hoạt động chủ yếu của Công ty hiện nay là xuất khẩu.





#### Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan. Bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp đăng ký giao dịch trên sàn UpCom, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngoài ra hoạt động chính của Công ty là xuất khẩu nên Công ty còn bị tác động bởi Luật Quốc tế.

Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty đã không ngừng tìm hiểu, nhạy bén trong công việc, có nhiệm vụ theo dõi thay đổi những quy định và quy trình nội bộ, vừa đảm bảo việc bám sát theo chính sách mới của Nhà nước vừa đảm bảo cho hoạt động của Công ty diễn ra suôn sẻ, đúng pháp luật. Hợp tác với đơn vị tư vấn doanh nghiệp, đảm bảo các thông tin đến với cổ đông, cơ quan quản lý đúng quy định. Ban hành quy chế hướng dẫn thực hiện các vấn đề trọng tâm như tài chính, đầu tư tài sản, công bố thông tin, v.v... để hoạt động Công ty tuân thủ quy định.

#### Rủi ro môi trường

Là Công ty hoạt động trong ngành may mặc, rủi ro môi trường là điều tất yếu nảy sinh trong quá trình sản xuất. Ngoài ra, quá trình hội nhập tại Việt Nam những năm gần đây vô cùng mạnh mẽ đã thu hút nhiều vốn đầu tư từ nước ngoài. Hàng loạt nhà máy, xí nghiệp mọc lên, mức độ đô thị hóa ngày càng cao đã ảnh hưởng đến môi trường như nước thải, khí thải, rác thải công nghiệp,...

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc quản lý rủi ro môi trường, HPU luôn chú trọng công tác dự báo, giảm thiểu rủi ro và tác động tiêu cực đến sức khỏe và an toàn của cộng đồng địa phương xung quanh những nơi mà Công ty đặt nhà máy sản xuất và những nơi Công ty đang hoạt động, qua đó tuân thủ đúng các tiêu chuẩn chung theo quy định. HPU luôn đảm bảo thực hiện chế độ lấy mẫu đánh giá tác động môi trường thường xuyên dưới sự giám sát của cơ quan chức năng để sớm có những biện pháp khắc phục kịp thời khi có bất kỳ chỉ tiêu nào vượt mức. Thực hiện xử lý chất thải công nghiệp theo quy định. Tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất.





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ SỰ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ





# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	KH 2018	TH 2018	TH/KH 2018	TH 2018/2017
Tổng doanh thu		446.651	435.000	451.975	103,90%	101,19%
Tổng chi phí		435.326	423.300	440.155	103,98%	101,11%
Lợi nhuận trước thuế		11.325	11.700	11.895	101,67%	105,03%
Lợi nhuận sau thuế		9.423	9.798	9.925	101,30%	105,33%
Các khoản nộp		1.902	1.902	1.969	103,52%	103,52%
Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu (đồng)		2.261		2.481		109,73%

Năm 2018 là năm đầy biến động của các nhân tố vĩ mô, lãi suất biến động, căng thẳng tăng cao trong các quan hệ thương mại toàn cầu.... Những nhân tố này đã phần nào ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên bằng nỗ lực và phần đầu không ngừng của Ban lãnh đạo và toàn thể CB – CNV, Công ty vẫn đạt được những kết quả tích cực khi tất cả các chỉ tiêu kinh doanh đều vượt kế hoạch do ĐHCĐ đề ra. Tổng doanh thu và Lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 451.975 triệu đồng và 9.925 triệu đồng đạt kế hoạch đề ra. Để đạt được kết quả trên, trong năm Công ty đã không ngừng nỗ lực và thực hiện các chính sách:

- Triển khai đầu tư MMTB theo kế hoạch năm 2018 đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt ngay từ đầu năm, thực hiện đầu tư bổ sung MMTB chuyên dùng đáp ứng yêu cầu của sản xuất với tổng giá trị 8,642 tỷ đồng bằng 104% kế hoạch.
- Tổ chức lại sản xuất của hai Phân xưởng, kịp thời đáp ứng năng suất, chất lượng, doanh thu trong điều kiện lao động giảm.
- Thực hiện tốt Cuộc vận động 50, luôn giữ tốt, dùng bền máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, đảm bảo hệ số sử dụng kỹ thuật cao, an toàn tuyệt đối; thực hiện nghiêm chế độ kiểm kê định kỳ ngày 01/01, ngày 01/7 và đột xuất theo yêu cầu của công tác quản lý.
- Đảm bảo nguồn hàng sản xuất trong xưởng, cân đối trên 150.000 sản phẩm đưa gia công
- Công tác sản xuất tinh gọn được triển khai một cách tích cực và từng bước được nâng cấp đã góp phần quan trọng vào việc tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Đội ngũ cán bộ, công nhân lao động nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Triển khai đầu tư theo kế hoạch năm 2018 đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt ngay từ đầu năm, thực hiện đầu tư bổ sung máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn chuyên dùng đáp ứng nhu cầu sản xuất, và vận chuyển với tổng giá trị 6.971,5 triệu đồng bằng 83,65% kế hoạch. Trong đó đầu tư máy móc, thiết bị 6.337,5 triệu đồng; phương tiện vận tải, truyền dẫn 614 triệu đồng. Ngoài ra trong năm Công ty tiếp tục nâng cấp nhà kho theo bảng giá trị ghi nhận cuối năm như sau:

### Nguyên giá

**3.932.273.773**

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê

Giá trị hao mòn

(2.805.606.732)

Giá trị còn lại

1.126.667.041





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Thực hiện 2017	% tăng giảm
Tổng tài sản	Triệu đồng	177.861	159.314	11,64%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	450.449	444.816	1,27%
Lợi nhuận HĐKD	Triệu đồng	11.728	11.227	4,46%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	167	98	70,41%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.895	11.325	5,03%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.925	9.423	5,33%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)		2.481	2.214	12,06%

## Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
<b>01</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,06	1,04
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,50	0,41
<b>02</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	79,93%	80,65%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	398,20%	416,71%
<b>03</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,07	5,60
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2,67	2,96
<b>04</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,20%	2,13%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	27,80%	30,04%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	5,58%	6,30%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,60%	2,5%

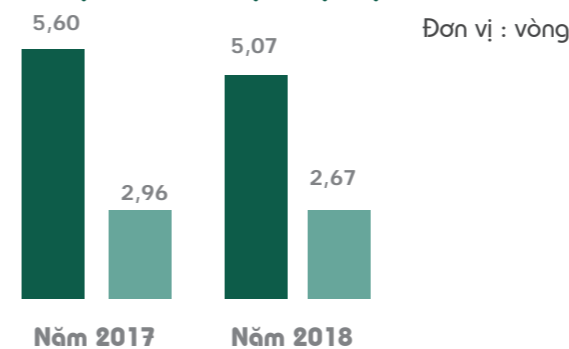
## Hệ số khả năng thanh toán

Năm 2018, các hệ số khả năng thanh toán của Công ty đều tăng so với năm 2017: chỉ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,04 lần lên 1,06 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,41 lần lên 0,5 lần.

Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng là do tài sản ngắn hạn của Công ty tăng hơn 18 tỷ đồng tương đương tăng 13,26% so với cùng kỳ, ngoài ra trong kỳ nợ ngắn hạn của Công ty cũng tăng nhưng thấp hơn mức độ tăng của tài sản ngắn hạn, tăng 10,65% đạt giá trị hơn 14 tỷ đồng. Biến động làm tăng tài sản ngắn hạn chủ yếu đến từ khoản mục chính phải thu ngắn hạn khách hàng. Trong năm 2018 nhiều hiệp định thương mại chính thức có hiệu lực, nhiều đơn hàng từ Trung Quốc chuyển sang Việt Nam. Trong bối cảnh đó để gia tăng sức cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước, Công ty đã thực hiện chính sách mua hàng trả chậm, chiết khấu thương mại.....

Tài sản ngắn hạn tăng so với năm trước là do vay và nợ thuế tài chính tăng 13 tỷ đồng. Trong năm Công ty vay thêm tại ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn, mục đích là bổ sung vào vốn lưu động dùng để mua sắm nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ để gia tăng sản lượng sản xuất trong bối cảnh kinh tế có nhiều thuận lợi để phát triển.

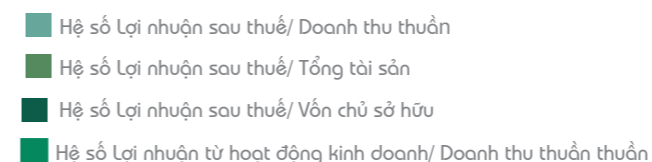
## Hệ số về năng lực hoạt động



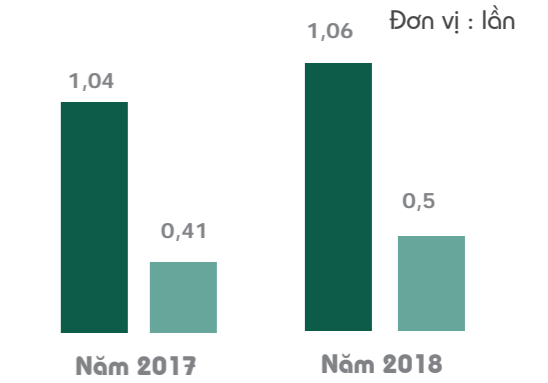
Đơn vị : vòng

## Chỉ số khả năng sinh lời

Trong năm 2018, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng so với năm trước, khoản mục này tăng 5,32%. Tuy nhiên, do tỷ lệ tăng của doanh thu thuần và tổng tài sản của Công ty tăng cao hơn nên làm cho các hệ số về khả năng sinh lời giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.



## HỆ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Đơn vị : lần

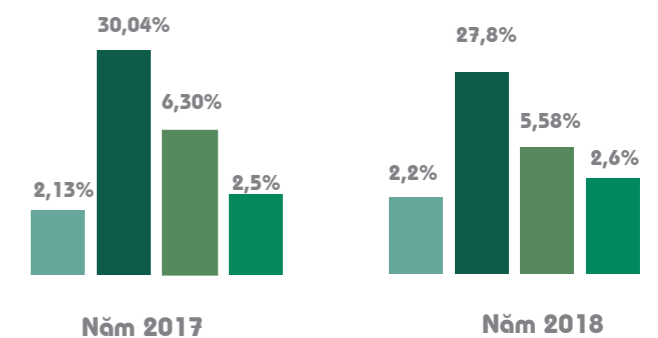
Vòng quay hàng tồn kho đã giảm nhẹ từ 5,60 vòng xuống còn 5,07 vòng. Vòng quay giảm do Công ty có sự thay đổi trong chính sách mua hàng và ghi nhận giá trị Hàng mua đang đi đường.

Vòng quay tài sản cũng giảm nhẹ từ 2,96 vòng còn 2,67 vòng. Nguyên nhân, trong năm hoạt động tiêu thụ hàng hóa của Công ty diễn ra hiệu quả dẫn đến doanh thu thuần tăng 1,12% so với năm trước. Tổng tài sản của Công ty cũng tăng với mức tăng cao hơn doanh thu thuần là 11,95%, tổng tài sản tăng trong năm Công ty tăng mua nguyên vật liệu và đầu tư mua mới máy móc thiết bị. Doanh thu tăng chậm hơn tài sản do máy móc thiết bị mới được đầu tư.

## Hệ số về cơ cấu vốn

Nhìn chung, trong năm 2018 các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty giảm so với năm 2017. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản là 79,93% và Nợ/Vốn chủ sở hữu là 398,20%. Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm do Khoản phải thu ngắn hạn tăng 20.524 triệu đồng – chính sách bán hàng trả chậm của Công ty làm tăng khoản phải thu khách hàng. Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm do Công ty ghi nhận khoản Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 trong Vốn chủ sở hữu, giá trị ghi nhận 4,799 tỷ đồng.

## HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI





# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## Cổ phần

Tổng số cổ phần: 2.000.000 cổ phần

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 2.000.000 cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

## Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	Cổ đông nhà nước	01	1.066.400	53,32%
02	Cổ đông trong nước			46,68%
	- Tổ Chức	-	-	-
	- Cá nhân	191	933.600	46,68%
03	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>192</b>	<b>2.000.000</b>	<b>100%</b>

## Danh sách cổ đông lớn

STT	Đối tượng	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.066.400	53,32%
02	Nguyễn Văn Tuấn	115.600	5,78%
03	Nguyễn Văn Dũng	100.000	5,00%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.282.000</b>	<b>64,10%</b>

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

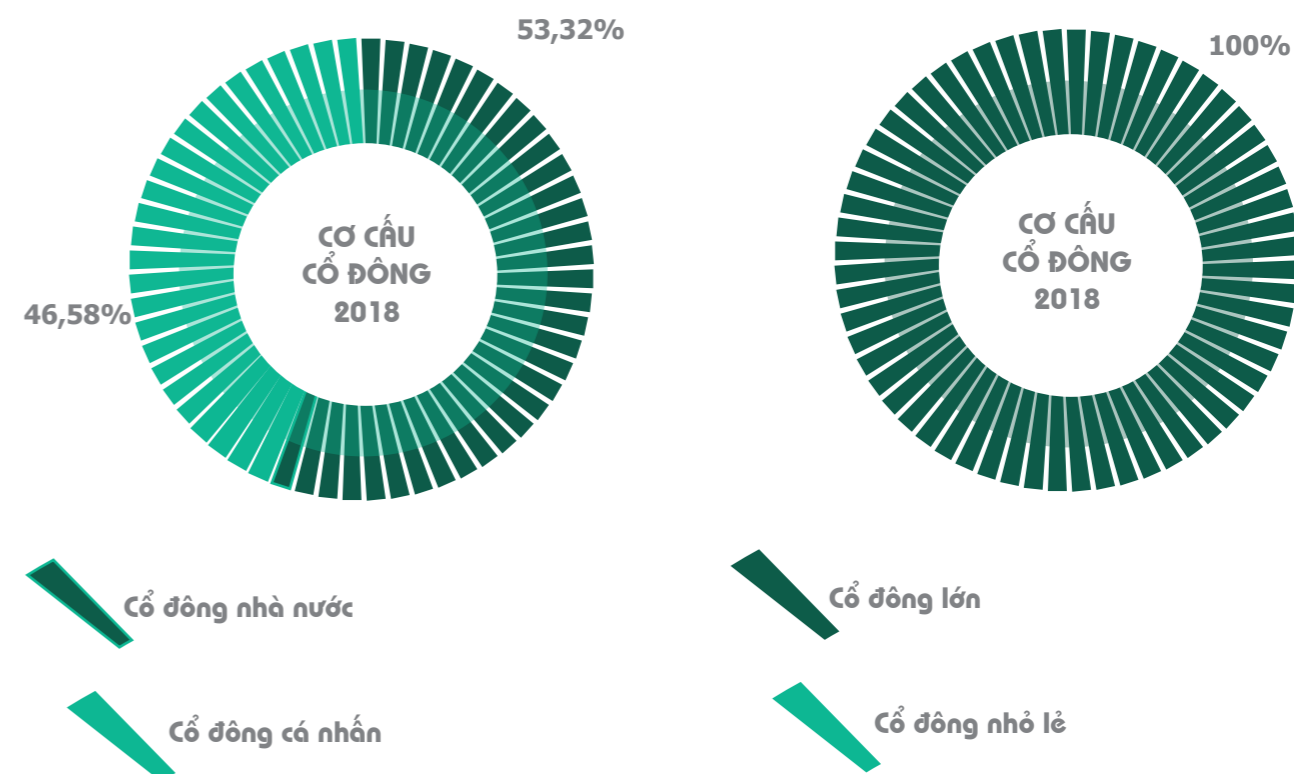
Trong năm Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

## Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

## Các chứng khoán khác

Không có





# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
01	Ông Bùi Văn Bắc	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 26/04/2018
02	Ông Trần Kim Quyên	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	
03	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	

## Ông Bùi Văn Bắc – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	1969
Quê quán	Hà Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty 28
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00% VDL Sở hữu đại diện: 586.520 cổ phần - tỷ lệ 29.33% VDL
Quá trình công tác	1997 - 2001: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Chi nhánh Hà Nội thuộc Công ty 28 2001 - 2011: Phó giám đốc, Chi nhánh Hà Nội thuộc Công ty 28 2011 - 2018: Giám đốc, Chi nhánh Hà Nội thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28, kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

## Ông Trần Kim Quyên – Tổng Giám đốc

Năm sinh	1962
Quê quán	Hà Nam
Trình độ chuyên môn	Đại học - chuyên ngành QTKD Đại học - chuyên ngành QTKD
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần – tỷ lệ 0,135% VDL
Quá trình công tác	08/1995 - 1996: Phó phòng Kế hoạch, Xí nghiệp 1, Công ty 28 08/1996 - 1997: Trưởng phòng Kế hoạch, Xí nghiệp 1, Công ty 28 08/1997 - 2001: Phó Giám Đốc Xí nghiệp 3, Công ty 28 08/2001 - 2002: Giám đốc Xí nghiệp 3 - Công ty 28 08/2002 - 2006: Giám đốc Xí nghiệp 2 - Công ty 28 01/2006 - nay: Tổng Giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần 28 Hưng Phú.



**Ông Nguyễn Văn Dũng - Thành viên HĐQT**

<b>Năm sinh</b>	1949
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Tiến sĩ - công nghệ sợi dệt và hóa nhuộm
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Không có
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	Sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần – tỷ lệ 5% VDL Sở hữu đại diện: 0 cổ phần - tỷ lệ 0,00% VDL
<b>Quá trình công tác</b>	1966 - 1971: Sinh viên Đại học bách khoa Hà Nội 1971 - 04/1972: Giảng viên Đại học bách khoa Hà Nội 05/1972 - 1983: Nhập ngũ (nghĩa vụ quân sự) 1984 - 1988: Nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc (Cộng Hòa Séc) 1989 - 06/1991: Cán bộ thuộc Tổng cục Hậu cần 07/1991 - 02/1993: Đoàn phó Đoàn kho vận 690, Tổng cục Hậu cần 03/1993 - 05/1995: Đoàn trưởng Đoàn kho vận 690, Tổng cục Hậu cần 06/1995 - 06/1997: Cục phó Cục quân nhu, Tổng cục Hậu cần 07/1997 - 11/1997: Phụ trách Cục trưởng Cục quân nhu, Tổng cục Hậu cần 11/1997 - 11/2000: Cục trưởng Cục quân nhu, Tổng cục Hậu cần 12/2000 - 11/2009: Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần 04/2014 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 28 Hưng Phú

**Bà Trần Thị Mỹ – Trưởng ban Kiểm soát**

<b>Năm sinh</b>	1964
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Đại học
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Kế toán trưởng - Công ty TNHH Một Thành viên Tổng công ty 28
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	0 cổ phần - tỷ lệ 0,00% VDL
<b>Quá trình công tác</b>	1987-1991: Nhân viên kế toán XN May Hòa Bình 1991-1995: P.Phòng TCKT Công ty May Độc Lập 1995-1996: P.Phòng TCKT Công ty May in Hữu Nghị 1997- 6/1998: Trưởng P.Kế toán Công ty Xi măng Chinfon HP 7/1998 - 9/2001: NV kế toán Công ty may 28 10/2001 - 6/2014: Phó trưởng phòng TCKT Tổng công ty 28 7/2014 - nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng công ty 28

**Ông Lê Văn Võ Thành – Thành viên Ban kiểm soát**

<b>Năm sinh</b>	1979
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân kinh tế
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Trưởng phòng Tài chính Hành chính
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	7.900 chiếm 0.40% vốn điều lệ
<b>Quá trình công tác</b>	12/2001 – 12/2006: Nhân viên kế toán Xí nghiệp 2 – Tổng Công ty 28 01/2007 – 08/2008: Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú 09/2008 – 12/2010: Nhân viên kế toán Phòng TCKT – Tổng Công ty 28 01/2011 - nay: Trưởng phòng tài chính Hành chính Xí nghiệp may đo Quân đội - Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng công ty 28

**Ông Nguyễn Văn Kiên – Thành viên Ban kiểm soát**

<b>Năm sinh</b>	1975
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân kinh tế
<b>Chức vụ tại tổ chức khác</b>	Nhân viên Kế toán tổng hợp Công ty CP 28.1
<b>Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện</b>	0 cổ phần – tỷ lệ 0,00% VDL
<b>Quá trình công tác</b>	01/1997 - 11/1998: Nhân viên kế toán, Xí nghiệp May đo Quân đội, thuộc Công ty 28 12/1998 - 09/2016: Nhân viên Kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV 28.1 10/2016 - nay: Nhân viên Kế toán tổng hợp Công ty CP 28.1



### Ông Vũ Sỹ Nam - Phó Tổng giám đốc

Năm sinh 1973

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Chức vụ tại tổ chức khác Không có

Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện 0 cổ phần - tỷ lệ 0,00% VDL

#### Quá trình công tác

05/1999 – 09/1999: Nhân viên kế toán Công ty Xuân Mai – Tổng cục kỹ thuật  
10/1999 – 06/2000: Nhân viên kế toán Trường cao đẳng kỹ thuật Vinhempish – Tổng cục kỹ thuật  
07/2000 – 08/2007: Nhân viên Marketing Phòng Thị trường Công ty 28 – Tổng cục Hậu cần  
09/2007 – 04/2010: Nhân viên Kinh doanh Xí nghiệp may đo Công ty 28 – Tổng cục Hậu cần  
05/2010 – 02/2012: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Xí nghiệp may đo Công ty 28 – Tổng cục Hậu cần  
03/2012 - 07/2018: Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp Công ty Cổ Phần 28 Hưng Phú  
08/2018 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần 28 Hưng Phú

### Ông Tăng Hùng – Kế toán trưởng

Năm sinh 1974

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Chức vụ tại tổ chức khác Không có

Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện 0 cổ phần - tỷ lệ 0,00% VDL

#### Quá trình công tác

09/1997 - 2000: Nhân viên kế toán Xí nghiệp 2 - Công ty May 28  
01/2001 - 06/2014: Nhân viên kế toán Tổng công ty 28.  
07/2014 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP 28 Hưng Phú.

### Những thay đổi trong Ban điều hành, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ tên	Chức vụ	Thay đổi nhân sự
<b>I. Hội đồng quản trị</b>		
Ông Hồ Anh Thứ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 26/04/2018
Ông Bùi Văn Bắc	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 26/04/2018
<b>II. Ban điều hành</b>		
Ông Vũ Sỹ Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2018
<b>III. Ban Kiểm soát</b>		
Ông Lữ Công Thịnh	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 26/04/2018
Ông Nguyễn Đình Luân	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 26/04/2018
Ông Nguyễn Thanh Định	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 26/04/2018
Bà Trần Thị Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 26/04/2018
Ông Lê Văn Võ Thành	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 26/04/2018
Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 26/04/2018





# TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình nhân sự

Tính chất phân loại	Năm 2018	Tỷ trọng
<b>Theo trình độ</b>	<b>763</b>	<b>100%</b>
Đại học, trên Đại học	45	5,90%
Cao đẳng	33	4,33%
Trung cấp	22	2,88%
Sơ cấp	663	86,89%
<b>Theo hợp đồng lao động</b>	<b>763</b>	<b>100%</b>
Hợp đồng có xác định thời hạn	82	10,75%
Hợp đồng không xác định thời hạn	681	89,25%



## Chính sách đối với người lao động

### Chính sách phúc lợi

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về chế độ làm việc. Công ty ký kết HĐLĐ và đóng bảo hiểm xã hội cho 763 lao động, đạt 100% lao động đã qua thử việc và học nghề. Luôn duy trì các hoạt động thi đua, khen thưởng hàng tháng nhằm khuyến khích động viên người lao động đạt năng suất, chất lượng hàng ngày, hoạt động này là một trong những biện pháp thúc đẩy sản xuất phát triển.

Hàng năm người lao động được đào tạo thi nâng bậc kỹ thuật và nâng lương. Đây là chính sách giúp cho người lao động có điều kiện rèn luyện nâng cao tay nghề. Các chế độ phép, nghỉ mát, bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất,... thực hiện đúng theo quy định của nhà nước. Ngoài ra người lao động còn có chế độ trợ cấp đột xuất, ốm đau, tai nạn, hiếu hỷ, phúng viếng... theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

### Chính sách lương, thưởng

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua luôn diễn ra liên tục và ổn định, Công ty luôn đảm bảo về các chính sách trả lương cho CBNV đúng thời hạn. Ngoài ra để khích lệ, động viên và tưởng thưởng xứng đáng cho những nhân viên đóng góp vào sự phát triển của Công ty, HPU đã đưa ra nhiều chính sách khen thưởng phong phú.

Tiền lương được trả theo sản phẩm và đảm bảo cao hơn mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định. Công ty có mức thu nhập bình quân vào top cao trong ngành may mặc nước ta. Hàng năm, công ty luôn chăm lo đảm bảo mức tiền thưởng Tết nguyên đán từ 2 tháng đến 2,5 tháng tiền lương thực tế đối với người lao động. Trong năm 2018, bình quân lương người lao động của Công ty đạt 763 người, thu nhập bình quân năm 2018 đạt 10,3 triệu đồng/người, so với năm 2017, thu nhập bình quân đã tăng 12,84%.

### Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được HPU coi trọng, họ là yếu tố đóng góp rất lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh khi Công ty thực hiện mục tiêu hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó, là nền tảng cho sự phát triển lâu dài. Ý thức được điều đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ và các lớp đào tạo cá nhân như đào tạo cấp chứng chỉ nghề cho công nhân, đào tạo thi nâng bậc cho công nhân. Ngoài ra, đối với những hội thảo triển khai các văn bản pháp luật mới sẽ được Công ty phân công cán bộ tham dự và sẽ phổ biến lại cho khối nghiệp vụ liên quan, Đồng thời tổ chức bắt buộc đối với toàn bộ người lao động tham gia sản xuất trực tiếp một số khóa huấn luyện như đào tạo huấn luyện an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và sơ cấp cứu.

Công tác bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường vẫn được công ty duy trì thực hiện. HPU chủ động trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, thường xuyên kiểm tra đảm bảo máy móc luôn trong điều kiện an toàn để phục vụ cho hoạt động sản xuất.

### Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

	2016	2017	2018
Thu nhập bình quân	8.859.000	9.128.000	9.917.290











## Môi trường – năng lượng

Hiện nay, vấn đề ô nhiễm môi trường đang nhận được rất nhiều sự quan tâm của người dân. Tình trạng quy hoạch các khu đô thị, hình thành và mở rộng các khu công nghiệp chưa gắn liền với vấn đề xử lý chất thải và nước thải,... đã làm ô nhiễm môi trường ở mức báo động.

Theo ước tính Cục bảo vệ Môi trường, trong tổng số 183 khu công nghiệp trong cả nước thì có trên 60% khu công nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tại các đô thị, chỉ có khoảng 60% - 70% chất thải rắn được thu gom, cơ sở hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải, chất thải nên chưa thể đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường trong sự nghiệp phát triển bền vững, Công ty luôn ỷ thức trách nhiệm được trách nhiệm đối môi trường trong quá trình sản xuất thông qua các công tác kiểm tra giám sát, của cơ quan chức năng để sớm có những biện pháp khắc phục kịp thời khi có bất kỳ chỉ tiêu nào vượt mức. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm. HPU luôn thực hiện xử lý chất thải công nghiệp theo quy định, tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất.

Trong quá trình sản xuất của HPU, việc quản lý nguyên vật liệu là công tác rất cần thiết đối với các doanh nghiệp sản xuất. Trong những năm qua, công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty được đánh giá tốt, các bộ phận nghiệp vụ liên quan đã đạt được sự hiệu quả từ công tác thu mua đến quản lý sử dụng, hạn chế được sự thất thoát và tiết kiệm chi phí hoạt động.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, nguồn năng lượng mà công ty sử dụng chủ yếu là điện và nước. Do đó, Công ty đã thực hiện các chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường nhưng vẫn đạt hiệu quả sản xuất. Khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, HPU luôn chú ý đề ra các mục tiêu sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, tiết kiệm chi phí hoạt động. Trong năm công ty không bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.

Trong năm 2018, HPU đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 60m<sup>3</sup> / ngày đêm với số tiền là 860 triệu đồng và đã được cấp giấy phép xả thải.





## VỀ XÃ HỘI

### Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn chú trọng đến đời sống cũng như hoàn cảnh của người lao động trong Công ty, qua đó thực hiện các chính sách hỗ trợ, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động có thể yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với Công ty.

Chính sách lương, thưởng cho người lao động: Để thúc đẩy tinh thần làm việc, phát huy khả năng sáng tạo và sự nỗ lực của nhân viên, Công ty xây dựng chính sách lương thưởng công bằng dựa trên các tiêu chí: năng lực, hiệu quả công việc, mức độ đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty. Mọi chế độ phúc lợi, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đều được Công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Pháp luật về lao động.

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty nhận thức việc đóng góp vào xã hội và cộng đồng là một yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty. Hàng năm Công ty trích một phần kinh phí từ quỹ phúc lợi và vận động toàn thể CBCNV trích một khoản tiền lương để lập quỹ ủng hộ cho công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ quỹ vì người nghèo vùng bị bão lũ...v.v. Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện đóng góp quỹ với số tiền cụ thể như:

Tham gia hiến máu nhân đạo: 154 người tham gia, tiếp nhận được 176,5 đơn vị máu

Đóng góp các quỹ:

Quỹ phòng chống thiên tai: 110.980.000 đồng

Quỹ Vì người nghèo: 5.080.000 đồng

Quỹ Bảo trợ trẻ em: 7.040.000 đồng

Quỹ "Mái ấm công đoàn, nghĩa tình đồng đội" 18.198.000 đồng

Tặng quà các cháu thiếu nhi: 146.137.000 đồng

# GROWING



# 03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



“ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ”



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

### Thuận lợi

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy Tổng Công ty 28, sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT.
- Khách hàng truyền thống duy trì tốt mối quan hệ hợp tác với Công ty. Sản phẩm phù hợp với công nghệ sản xuất. Chất lượng sản phẩm ngày một nâng cao tạo uy tín của Công ty trên thị trường trong và ngoài nước.
- Ngoài đảm bảo nguồn hàng sản xuất trong xưởng, Công ty còn cân đối trên 150.000 sản phẩm đưa gia công góp phần tăng doanh thu, hiệu quả.
- Công tác sản xuất tinh gọn được triển khai một cách tích cực và từng bước được nâng cấp đã góp phần quan trọng vào việc tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Máy móc thiết bị được đầu tư bổ sung, thay thế, sửa chữa kịp thời đáp ứng tốt cho sản xuất; môi trường, điều kiện làm việc của người lao động được cải thiện.
- Đội ngũ cán bộ, công nhân lao động nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### Khó khăn

- Xu thế mẫu mã thời trang, nguồn hàng số lượng nhỏ lẻ, chất liệu khó may đã tác động đến công tác tổ chức sản xuất, đầu tư MMTB và năng suất lao động.
- Thời gian thực hiện đơn hàng rút ngắn, thông tin nguyên phụ liệu thay đổi thường xuyên theo yêu cầu của khách hàng đòi hỏi sự linh hoạt của cả hệ thống quản lý và sản xuất
- Nguồn lao động biến động bất thường, lao động mới tuyển dụng tay nghề chưa đáp ứng với yêu cầu sản phẩm chất lượng cao, mặc dù đã được đào tạo song năng suất đạt thấp, ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí (bù lương hàng tháng) và tăng thời gian làm thêm.





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tài sản

Đơn vị: triệu đồng

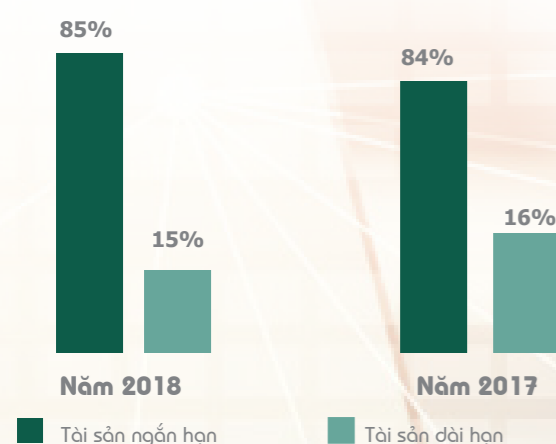
Chỉ tiêu	2018	2017
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>151.177</b>	<b>133.475</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.046	18.677
Phải thu ngắn hạn	51.526	31.002
Hàng tồn kho	80.101	80.776
Tài sản ngắn hạn khác	2.504	3.020
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>26.684</b>	<b>25.839</b>
Tài sản cố định	25.557	23.985
Bất động sản đầu tư	1.126	1.352
Tài sản dở dang dài hạn	-	-
Tài sản dài hạn khác	-	502
<b>Tổng tài sản</b>	<b>177.861</b>	<b>159.314</b>

## Nợ phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2018	2017
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>142.161</b>	<b>128.482</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	35.207	34.506
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.897	2.468
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	516	389
4. Phải trả người lao động	18.901	19.175
5. Phải trả ngắn hạn khác	7.886	11.083
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.200	4.368
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	69.407	56.440
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
<b>Tổng nợ</b>	<b>142.161</b>	<b>128.482</b>

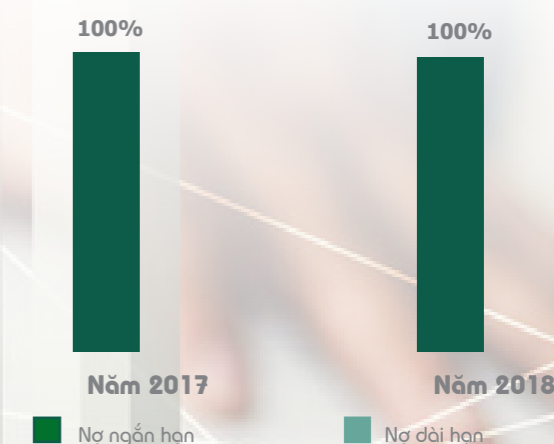
### CƠ CẤU TÀI SẢN



Tổng tài sản năm 2018 tăng 11,64% so với năm 2017. Trong đó chủ yếu là tài sản ngắn hạn tăng, cụ thể tăng 13,26% so với năm 2017. Tài sản dài hạn không có biến động gì nhiều so với năm 2017, tài sản cố định vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tài sản dài hạn.

Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng, cụ thể tăng 81,34% so với năm 2017. Nguyên nhân là do năm 2018 nhiều hiệp định thương mại chính thức có hiệu lực, nhiều đơn hàng từ Trung Quốc chuyển sang Việt Nam. Trong bối cảnh đó để gia tăng sức cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước, Công ty đã thực hiện chính sách mua hàng trả chậm, chiết khấu thương mại...

### CƠ CẤU NỢ



Trong năm 2018 tổng nợ tăng 10,65% so với năm 2017, Công ty có tỷ trọng nợ ngắn hạn lớn. Trong cơ cấu nợ, hầu như không có sử dụng nợ dài hạn. Nguyên nhân tổng nợ tăng so với năm 2017, chủ yếu là do vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm tăng 22,97% so với năm 2017. Trong năm Công ty vay thêm tại ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn, với lãi suất 3,5%/năm, mục đích là bổ sung vào vốn lưu động dùng để mua sắm nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ để gia tăng sản lượng sản xuất trong bối cảnh kinh tế có nhiều thuận lợi để phát triển.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	450
2	Lợi nhuận	tỷ đồng	12,6
3	Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	10.300.000
4	Năng suất bình quân 8h	đồng/người/tháng	11.600.000

### Các biện pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019:

**Giải pháp về thị trường:** Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, nghiên cứu phân tích thị trường để có những phương án linh hoạt. Tiếp tục giữ ổn định khách hàng truyền thống, khách hàng hiệu quả. Tìm kiếm thêm các khách hàng tại thị trường EU, Mỹ và thị trường Đông Nam Á; đặc biệt chú trọng thị trường các nước trong hiệp định đối tác toàn diện và tiền bộ xuyên Thái Bình Dương (CP TPP) và ổn định thị trường trong nước

**Giải pháp về khách hàng:** Đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng về giá cả, chất lượng, thời gian giao hàng, thời gian cung cấp mẫu, luôn xác định khách hàng là đối tác để chia sẻ, hợp tác cùng phát triển. Tăng cường tìm kiếm nguồn hàng với chất lượng phù hợp để đưa giá công ngoài đạt kế hoạch mục tiêu 150.000 sản phẩm trở lên.

### Giải pháp về công tác sản xuất:

- Phòng KHTH phải đáp ứng tốt nguyên phụ liệu, vật tư đầu vào. Theo dõi, phối hợp với phòng Kỹ Thuật và phòng Lean triển khai tốt các yếu tố kỹ thuật, mẫu, rập, công tác cũ cuốn gá lắp, quy trình công nghệ cho hai Phân xưởng đạt năng suất, doanh thu và kế hoạch giao hàng cho khách.
- Kịp thời xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình sản xuất (giữa các bộ phận, giữa Công ty và khách hàng) đảm bảo sản xuất luôn ổn định. Phòng KHTH, Kỹ Thuật, Lean và Quản đốc hai Phân xưởng tập trung điều hành, xử lý các phát sinh khi thực hiện tổ chức lại tổ cắt thành Phân xưởng cắt và đầu tư chuyển treo cho hai phân xưởng (dự kiến trong quý I và quý II/2019).
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, vật tư, phụ tùng đến văn bản, tài liệu kỹ thuật, duy trì công tác họp PP meeting (trước khi sản xuất) phổ biến chi tiết các yếu tố kỹ thuật liên quan đến quá trình sản xuất. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm ở tất cả các khâu từ cắt, may, hoàn tất đóng thùng và xuất hàng cho khách.





# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY
- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





# 04

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY



## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng doanh thu	Triệu đồng	345.117	396.538	446.651	451.975
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.067	10.508	11.325	11.895
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.649	8.813	9.423	9.925
Thu nhập bình quân (người/tháng)	Triệu đồng	8,284	8,859	9,128	9,92



Năm 2018, kinh tế toàn cầu có nhiều biến động. Trong khi nền kinh tế Mỹ đạt mức tăng trưởng khả quan, thì Trung Quốc và Nhật Bản có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Việc hội nhập kinh tế trong những năm qua và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã giúp cho số lượng đơn hàng xuất khẩu của Công ty có sự gia tăng, hoạt động xuất khẩu trong năm đã đạt được thành công hơn dự kiến. Quan sát diễn biến doanh thu và lợi nhuận trong khoảng thời gian 5 năm có thể thấy Công ty đang duy trì mức tăng trưởng rất tốt. Tốc độ tăng trưởng kép doanh thu đạt 6,75% và tăng trưởng kép lợi nhuận sau thuế đạt 11,40%.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Với những kết quả đạt được trong năm qua, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực phối hợp thực hiện chặt chẽ, hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty được thực hiện một cách tốt nhất, đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông theo kế hoạch đề ra. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc.

Ban Giám đốc Công ty đã thường xuyên, liên tục kiểm tra các hoạt động về công tác tài chính, kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị trực thuộc. Đồng thời, xây dựng các kế hoạch kinh doanh, kiểm soát các chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Luôn kiểm tra về chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đồng thời đánh giá năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, kiểm tra năng suất và kết quả kinh doanh. Luôn thực hiện tốt các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.





## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch năm 2019	So sánh (%)
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	452	450	96
Lợi nhuận	Tỷ đồng	11,89	12,6	105
Cổ tức	%	23%	20%	87
Thu nhập bình quân	Triệu đồng/ người	9,92	10,3	103

Từ số liệu có thể thấy Công ty đã đặt ra chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh khá thận trọng, doanh thu kế hoạch đề ra 450 tỷ đồng, bằng 96% so với thực hiện 2018. Tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận lại cao hơn 5% so với 2017, có thể thấy trong năm 2018 đến năm 2019 Công ty sẽ tiến hành kiểm soát chặt chi phí để gia tăng lợi nhuận. Những giải pháp chính thực hiện chỉ tiêu trên:

### Quản lý, tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh:

- Thực hiện triệt để phần mềm quản lý sản xuất Sure ERP, sử dụng hiệu quả MMTB đã đầu tư, thực hiện nghiêm lịch xich bảo dưỡng định kỳ, đặc biệt là những loại thiết bị có tính an toàn cao (lò hơi, khí nén, thang vận chuyển, hàng hóa), luôn đảm bảo thiết bị phục vụ sản xuất tốt nhất.
- Quản lý con người trên cơ sở công việc được giao và chấp hành nghiêm nội quy lao động của Công ty. Quản lý tốt ngày, giờ công làm việc của từng người lao động và từng bộ phận. Đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, trình độ chuyên môn, tay nghề để thực hiện công việc đạt hiệu quả cao nhất.
- Tích cực tuyển dụng lao động và đào tạo phù hợp với kế hoạch đầu ra cho từng đối tượng, từng đơn vị trong toàn Công ty để bổ sung, thay thế kịp thời khi có nhu cầu.
- Tích cực áp dụng phần mềm Sure ERP trong công tác quản lý và điều hành sản xuất, làm việc với Tổng công ty 28 để thực hiện phần mềm quản lý đến công tác hạch toán kế toán của Công ty. Thực hành tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty. Xây dựng hệ thống định mức kỹ thuật tiên tiến, khoán chi phí cho tập thể, cá nhân sử dụng tiết kiệm như: Vật tư, phụ tùng, văn phòng phẩm, xăng dầu, điện, điện thoại, chi phí xuất nhập khẩu....
- Thường xuyên đánh giá các nhà cung cấp nguyên phụ liệu, phụ tùng vật tư để lựa chọn nhà cung cấp tốt nhất, nhà cung cấp lớn theo quy hoạch mặt hàng, sản phẩm chuyên của Công ty.



### Giải pháp thực hiện hệ thống QLCL, hệ thống TNXH và hệ thống sản xuất tinh gọn

- Duy trì và thực hiện nghiêm HTQLCL ISO 9001:2015, hệ thống quản lý TNXH (Wrap) và hệ thống theo tiêu chuẩn của các khách hàng lớn như Costco, Nautica, White stuff...
- Lập kế hoạch và thực hiện thanh tra đánh giá chất lượng nội bộ, tổ chức hội nghị xem xét của lãnh đạo theo định kỳ trong năm để đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả.
- Tiếp tục thực hiện chương trình Quản lý rủi ro và cơ hội cho năm 2019. Duy trì thực hiện hệ thống sản xuất tinh gọn, tích cực cải tiến ở tất cả các khâu, các công đoạn, công việc của mỗi người, loại bỏ hao phí, lãng phí tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

### Công tác an toàn đơn vị

- Thường xuyên củng cố, đào tạo nâng cao nghiệp vụ kiểm tra, kiểm soát, tư thế, tác phong giao tiếp, phương pháp giải quyết công việc cho đội ngũ bảo vệ Công ty để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.
- Lập phương án và tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ, tuần tra, công tác PCCC, sơ cấp cứu, an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo đơn vị an toàn tuyệt đối về người và tài sản.
- Thực hiện và duy trì nghiêm công tác kiểm tra, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm từ khâu tiếp nhận, chế biến đến khâu chia suất ăn đảm bảo tuyệt đối an toàn; không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ bữa ăn ca cho người lao động.





## **BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY**

- **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- **HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**
- **CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH**



# 05

## BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: hiện nay Công ty không thành lập Tiểu ban Hội đồng quản trị.

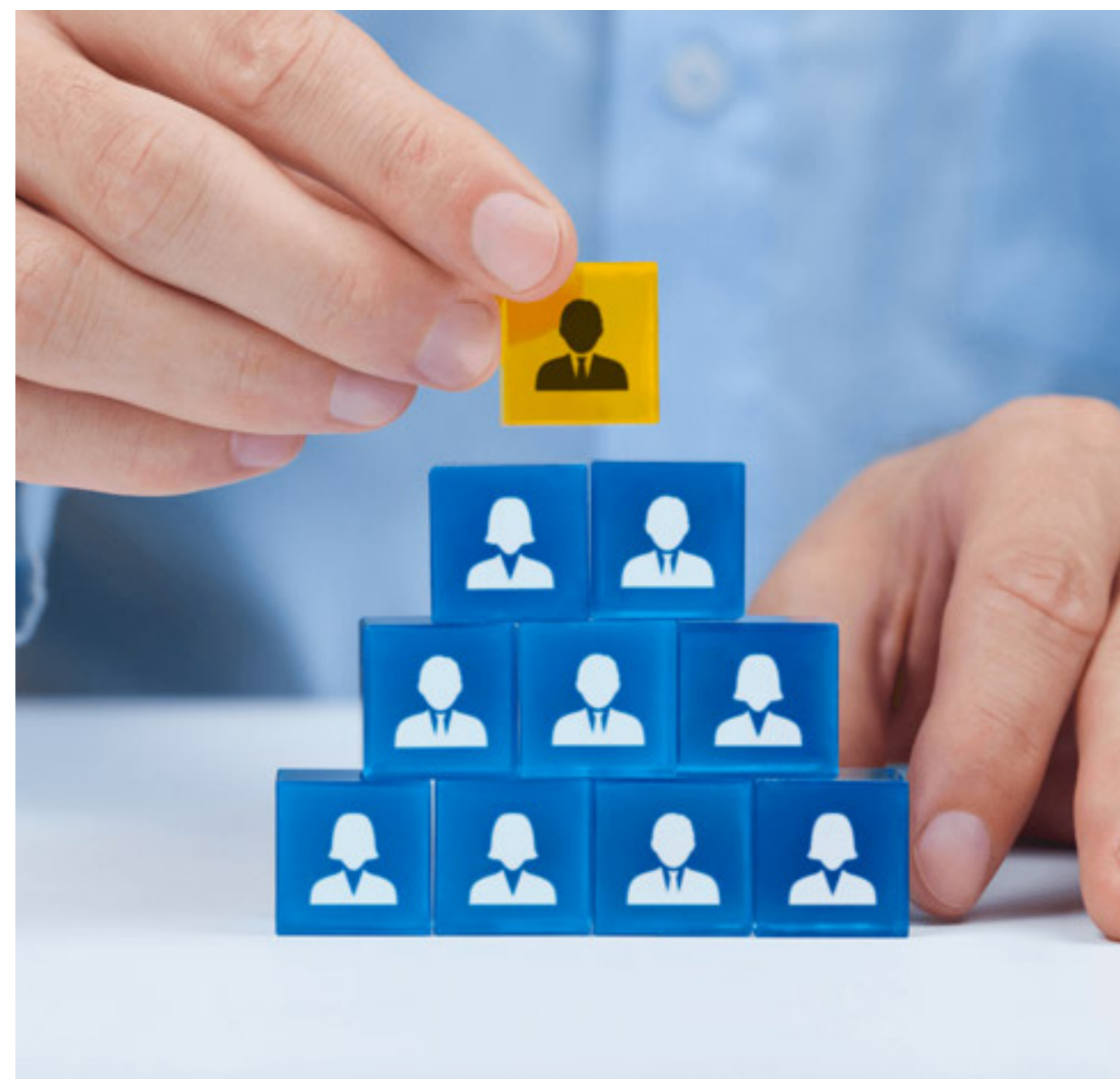
### Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã có 06 cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Bùi Văn Bắc	Chủ tịch	5/6	83,33%	Bổ nhiệm ngày 26/04/2018
2	Ông Hồ Anh Thứ	Chủ tịch	2/6	33,33%	Miễn nhiệm ngày 26/04/2018
3	Ông Trần Kim Quỳnh	Phó Chủ tịch	6/6	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	6/6	100%	

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
01		01/02/2018	<p>Thực hiện phương án cấp tín dụng, vay vốn, phát hành LC, phát hành bảo lãnh, chiết khấu chứng từ, đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản.... tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Bắc Sài Gòn, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giá trị: 85 tỷ đồng</li> <li>Mục đích: phục vụ SXKD 2018 – 2019, đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản theo kế hoạch SXKD năm 2018</li> <li>Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng</li> <li>Nguồn thanh toán/trả nợ: doanh thu từ hoạt động SXKD của Công ty</li> </ul>
02	Số 152/BB – HĐQT	12/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công ty báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD quý I; Kế hoạch SXKD Quý II và ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018</li> <li>Thông qua các nội dung chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên 2018</li> <li>Thông qua Quy chế quản lý và Công bố thông tin</li> <li>Đề nghị HĐQT xem xét báo cáo ĐHĐCĐ thường niên thưởng cho Cán bộ Quản lý Công ty vì đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu SXKD năm 2017</li> <li>Thông qua phương án Quỹ tiền thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty năm 2017</li> </ul>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
03	Số 153/NQ – HĐQT	26/04/2018	Bầu Chủ tịch HĐQT CTCP 28 Hưng Phú nhiệm kỳ 2016 - 2020
04	Số 154/NQ – HĐQT	26/04/2018	Phân công công việc trong HĐQT <ul style="list-style-type: none"> <li>Nghe báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2018, kế hoạch SXKD Quý III; ước thực hiện 9 tháng và năm 2018</li> <li>Công tác nhân sự của Công ty</li> </ul>
05	Số 155/NQ – HĐQT	23/07/2018	
06	Số 06/NQ - HĐQT	06/10/2018	Xem xét Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD Quý III, 9 tháng và Kế hoạch Quý IV; Ước thực hiện năm 2018; Dự kiến một số chỉ tiêu chính xây dựng kế hoạch năm 2019.





**Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

Không có.

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về quản trị công ty**

Không có.

STT	Thành viên BSK	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
01	Trần Thị Mỹ	Trưởng ban	3/3	100%
03	Lê Văn Võ Thành	Thành viên	3/3	100%
04	Nguyễn Văn Kiên	Thành viên	3/3	100%

**Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn của mình, tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định đã được cụ thể hóa tại Quy chế Công ty. Cụ thể:

- Giám sát hoạt động quản trị và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Kiểm tra tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Kiểm soát tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, chứng từ kế toán, hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động nhằm đảm bảo tính đúng đắn của báo cáo tài chính.
- Tổ chức kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc, chính xác và đúng thủ tục theo Luật định.

**Kết quả giám sát thực hiện nhiệm vụ.**

**Thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý:**

- Năm 2018 doanh thu và lợi nhuận đã đạt chỉ tiêu theo KHSXKD năm 2018 đã đề ra cho thấy sự nỗ lực lớn từ Ban điều hành đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, thực hiện đúng điều lệ của Công ty, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT. Hội đồng Quản trị đã luôn đi sát hoạt động của Công ty, kịp thời đưa ra nghị quyết giúp ban Tổng Giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Đánh giá sự phối hợp giữa BKS, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông**

- Trong năm qua BKS đã nhận được sự hỗ trợ từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông trong Công ty đã tạo điều kiện và cung cấp đầy đủ tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của BKS. tại hầu hết các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc chủ trì, BKS đều được mời tham dự và tham gia góp ý kiến về công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.







Đơn vị: đồng

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thưởng theo tiền lương	Thù lao	Thưởng
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>						
01	Bùi Văn Bắc	CT HĐQT			18.400.000	
02	Hồ Anh Thứ	Thành viên			9.200.000	
03	Trần Kim Quỳnh	Thành viên				
04	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên			19.200.000	
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>						
01	Trần Thị Mỹ	Trưởng ban			12.000.000	
02	Nguyễn Thanh Định	Trưởng ban			6.000.000	
03	Nguyễn Văn Kiên	Thành viên			6.800.000	
04	Lữ Công Thịnh	Thành viên			3.400.000	
05	Lê Văn Võ Thành	Thành viên			6.800.000	
06	Nguyễn Đình Luân	Thành viên			3.400.000	
<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>						
01	Trần Kim Quỳnh	Tổng Giám đốc	431.494.971	62.709.164		
02	Hoàng Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	349.294.815	50.764.063		
03	Tăng Hùng	Kế toán trưởng	230.709.185	33.529.658		
<b>TỔNG CỘNG</b>						

**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ**  
Không có

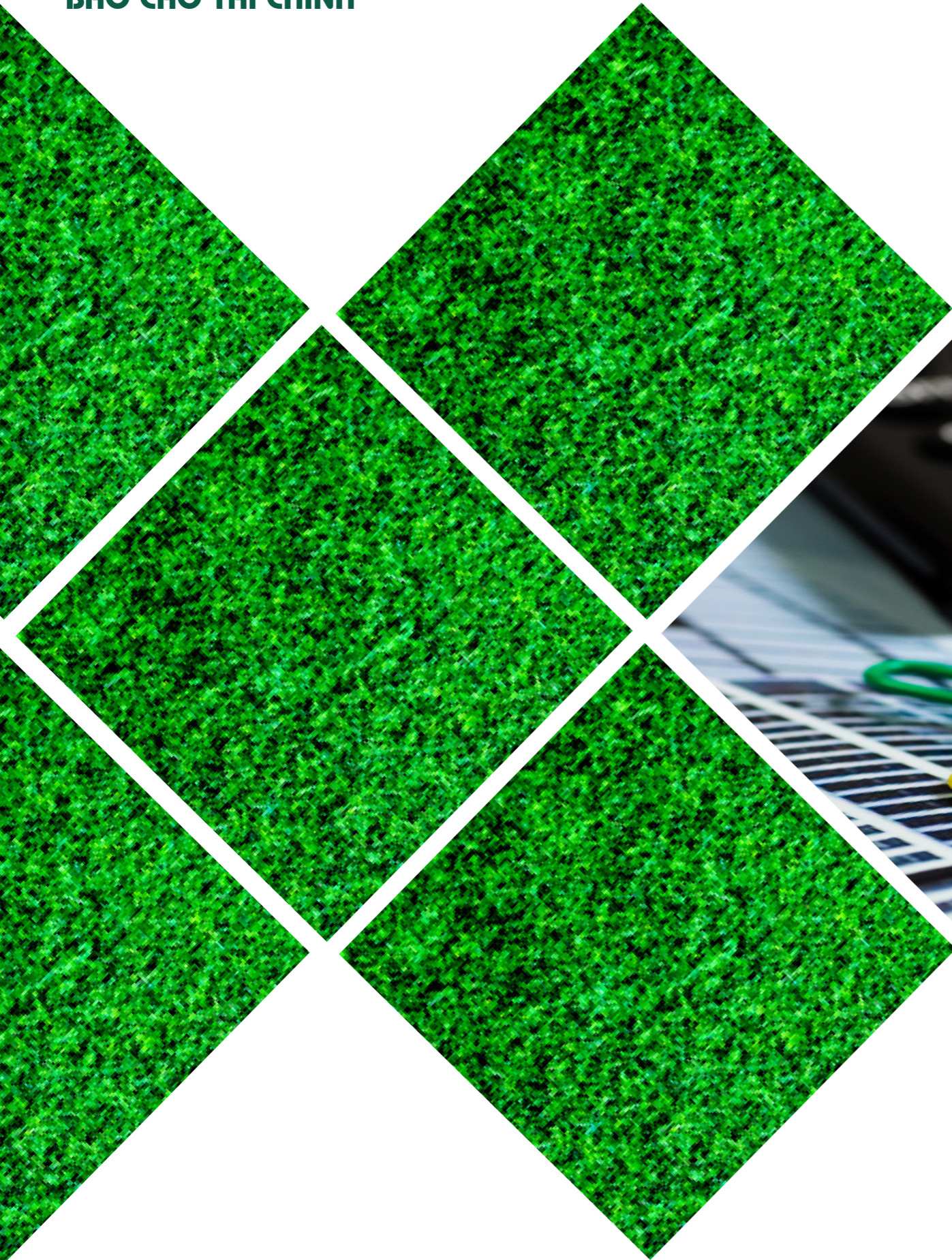
**Thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Việc quản trị công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật và các thông lệ tốt mà Công ty cho rằng phù hợp với tình hình thực tiễn của mình.



**06**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**





## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6-36
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 36

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005810 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 06 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 1071/QĐ-SGDHN ngày 29/12/2017, với mã chứng khoán là HPU và ngày 08/01/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu công ty trên thị trường Upcom.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Văn Bắc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Hồ Anh Thứ	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Trần Kim Quỳnh	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Kim Quỳnh	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Sỹ Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2018

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Mỹ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Định	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Lê Văn Võ Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Nguyễn Đình Luân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Lữ Công Thịnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh



Số:150319. 001 /BCTC.HCM

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Kim Quỳnh**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú được lập ngày 14 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 27 tháng 02 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý  
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2434-2018-002-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thái  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1623-2018-002-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>151.177.355.819</b>	<b>133.475.283.386</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>17.045.930.713</b>	<b>18.677.275.380</b>
111	1. Tiền		12.545.930.713	5.677.275.380
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.500.000.000	13.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>51.526.123.073</b>	<b>31.002.309.776</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	49.108.869.024	27.081.503.938
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.805.347.246	2.248.893.185
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	611.906.803	1.671.912.653
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>80.101.017.904</b>	<b>80.775.735.174</b>
141	1. Hàng tồn kho		80.101.017.904	80.775.735.174
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.504.284.129</b>	<b>3.019.963.056</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.966.654.501	1.033.785.546
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		537.629.628	1.986.177.510
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>26.684.035.429</b>	<b>25.838.980.610</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>25.557.368.388</b>	<b>23.984.759.567</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	25.482.368.371	23.809.759.554
222	- Nguyên giá		78.537.412.787	72.247.180.356
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(53.055.044.416)	(48.437.420.802)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	75.000.017	175.000.013
228	- Nguyên giá		500.000.000	500.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(424.999.983)	(324.999.987)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>10</b>	<b>1.126.667.041</b>	<b>1.352.000.449</b>
231	- Nguyên giá		3.932.273.773	3.932.273.773
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.805.606.732)	(2.580.273.324)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>502.220.594</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	-	502.220.594
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>177.861.391.248</b>	<b>159.314.263.996</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>142.160.684.096</b>	<b>128.481.987.374</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>142.160.684.096</b>	<b>128.481.987.374</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	35.206.666.291	34.506.371.573
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	3.897.339.988	2.467.975.347
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	516.228.597	389.063.258
314	4. Phải trả người lao động		18.900.574.312	19.174.569.728
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	146.478.149	52.718.650
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	7.886.202.794	11.083.043.060
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	69.407.085.069	56.440.428.483
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.200.108.896	4.367.817.275
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>35.700.707.152</b>	<b>30.832.276.622</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>35.700.707.152</b>	<b>30.832.276.622</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.000.000.000	20.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		10.901.268.253	10.603.508.772
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.799.438.899	228.767.850
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		134.540.368	228.767.850
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.664.898.531	
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>177.861.391.248</b>	<b>159.314.263.996</b>

*(Signature)*

Nguyễn Thanh Định  
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019

*(Signature)*

Tăng Hùng  
Kế toán trưởng



*(Signature)*

Trần Kim Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	450.522.721.837	444.816.074.826
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	74.129.803	-
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>450.448.592.034</b>	<b>444.816.074.826</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	22	407.905.938.897	408.685.614.971
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>42.542.653.137</b>	<b>36.130.459.855</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.352.050.892	1.724.476.104
22	7. Chi phí tài chính	24	2.439.582.450	1.492.173.673
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.688.408.077	1.438.910.367
25	8. Chi phí bán hàng	25	4.383.713.663	3.225.811.277
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.343.413.227	21.909.795.135
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>11.727.994.689</b>	<b>11.227.155.874</b>
31	11. Thu nhập khác	27	174.202.637	110.578.258
32	12. Chi phí khác	28	7.364.145	12.988.354
<b>40</b>	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>166.838.492</b>	<b>97.589.904</b>
<b>50</b>	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>11.894.833.181</b>	<b>11.324.745.778</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.969.517.156	1.901.997.579
<b>60</b>	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>9.925.316.025</b>	<b>9.422.748.199</b>
<b>70</b>	<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>30</b>	<b>2.481</b>	<b>2.261</b>

*(Signature)*

Nguyễn Thanh Định  
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019

*(Signature)*

Tăng Hùng  
Kế toán trưởng



Trần Kim Quỳnh  
Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.894.833.181	11.324.745.778
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.464.333.678	6.009.291.166
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(492.741.717)	(285.021.901)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(653.638.661)	(2.458.759.715)
06	- Chi phí lãi vay		1.688.408.077	1.438.910.367
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.901.194.558	16.029.165.695
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(19.211.844.390)	(6.036.300.583)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		674.717.270	(15.608.859.858)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.860.569.794	6.354.211.635
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(430.648.361)	(467.596.150)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.671.487.694)	(1.438.910.367)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.850.603.641)	(1.875.753.020)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	154.325.500
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.224.593.874)	(2.717.835.353)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.952.696.338)	(5.607.552.501)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.811.609.091)	(8.482.617.505)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		123.636.363	29.090.909
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		557.633.044	2.388.024.361
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.130.339.684)	(6.065.502.235)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		144.595.178.821	153.632.842.392
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(131.318.603.909)	(141.649.680.485)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.983.755.000)	(4.726.980.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.292.819.912	7.256.181.407
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.790.216.110)	(4.416.873.329)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.677.275.380	23.094.167.909
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		158.871.443	(19.200)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	17.045.930.713	18.677.275.380

Nguyễn Thanh Định  
Người lập

Tăng Hùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005810 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 06 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 20.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 20.000.000.000 đồng; tương đương 2.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 1071/QĐ-SGDHN ngày 29/12/2017, với mã chứng khoán là HPU và ngày 08/01/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu công ty trên thị trường Upcom.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc;
- Sản xuất, mua bán các loại nguyên phụ liệu, vật tư, bao bì, máy móc thiết bị ngành may mặc;
- Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3 . Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn..

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Tài sản cố định khác	04 - 07	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**2.9 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15	năm
--------------------------	----	-----

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**2.10 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phân ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty dựa theo kế hoạch phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**2.17 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

*Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê nhà xưởng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**2.22 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.24 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	304.943.474	175.414.353
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.240.987.239	5.501.861.027
Các khoản tương đương tiền	4.500.000.000	13.000.000.000
	<b>17.045.930.713</b>	<b>18.677.275.380</b>

Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 4.500.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn với lãi suất 4,6%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Itochu Prominent USA LLC	31.599.342.328	-	20.645.802.225	-
Công ty Cổ phần Thời trang KOWIL Việt Nam	4.015.375.174	-	2.334.307.890	-
Công ty TNHH Prominent (Việt Nam)	7.829.008.085	-	1.804.597.173	-
APPAREL GROUP PTY LTD	2.432.413.327	-	810.275.827	-
LONDON PARIS LTD	2.518.167.178	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	714.562.932	-	1.486.520.823	-
	<b>49.108.869.024</b>	<b>-</b>	<b>27.081.503.938</b>	<b>-</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b>17.550.000</b>	<b>-</b>	<b>574.444.107</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
PT TCK TEXTILES INDONESIA Công ty TNHH LuThai (Việt Imagery Textile Co., Ltd	-	-	1.064.925.135	-
Công ty TNHH MTV DV Lữ Hành SAIGONTOURIS T	352.000.000	-	-	-
James Fabric Import And Export Co., Ltd	257.268.661	-	-	-
Jiaxing Burlington Textile Company Limited	277.204.645	-	-	-
Shiva's Enterprise Co.,Ltd	340.612.828	-	-	-
Yoonia Tex Co.,Ltd	393.778.125	-	-	-
Các đối tượng khác	184.482.987	-	259.241.138	-
	<b>1.805.347.246</b>	<b>-</b>	<b>2.248.893.185</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	522.500.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi	14.013.699	-	41.644.445	-
Phải thu tiền lương tết dương lịch	367.700.000	-	377.300.000	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	3.762.309	-	3.139.109	-
Tạm ứng	2.316.517	-	1.605.260	-
Ký cược, ký quỹ	191.649.548	-	642.928.781	-
Phải thu khác	32.464.730	-	82.795.058	-
	<b>611.906.803</b>	<b>-</b>	<b>1.671.912.653</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.503.333.025	-
Nguyên liệu, vật liệu	42.909.656.039	-	36.344.527.750	-
Công cụ, dụng cụ	267.416.074	-	77.842.462	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.906.736.107	-	11.167.058.667	-
Thành phẩm	31.924.495.846	-	27.821.931.050	-
Hàng gửi đi bán	92.713.838	-	2.861.042.220	-
	<b>80.101.017.904</b>	<b>-</b>	<b>80.775.735.174</b>	<b>-</b>

*Trong đó:*

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 74.834.151.885 đồng.



## 8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	12.434.856.552	53.598.962.071	2.105.974.801	1.721.393.682	2.385.993.250	72.247.180.356
- Mua trong năm	-	6.337.500.000	614.000.000	-	-	6.951.500.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	860.109.091	860.109.091
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.426.372.660)	-	(95.004.000)	-	(1.521.376.660)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.434.856.552</b>	<b>58.510.089.411</b>	<b>2.719.974.801</b>	<b>1.626.389.682</b>	<b>3.246.102.341</b>	<b>78.537.412.787</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	9.786.541.419	35.198.816.834	856.432.188	1.512.100.614	1.083.529.747	48.437.420.802
- Khấu hao trong năm	452.520.647	5.153.248.393	183.661.240	70.959.780	278.610.214	6.139.000.274
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.426.372.660)	-	(95.004.000)	-	(1.521.376.660)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.239.062.066</b>	<b>38.925.692.567</b>	<b>1.040.093.428</b>	<b>1.488.056.394</b>	<b>1.362.139.961</b>	<b>53.055.044.416</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	2.648.315.133	18.400.145.237	1.249.542.613	209.293.068	1.302.463.503	23.809.759.554
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>2.195.794.486</b>	<b>19.584.396.844</b>	<b>1.679.881.373</b>	<b>138.333.288</b>	<b>1.883.962.380</b>	<b>25.482.368.371</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 26.701.757.299 đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

## Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

## 9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	500.000.000	500.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	324.999.987	324.999.987
- Khấu hao trong năm	99.999.996	99.999.996
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>424.999.983</b>	<b>424.999.983</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	175.000.013	175.000.013
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>75.000.017</b>	<b>75.000.017</b>

## 10 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà kho	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	3.932.273.773	3.932.273.773
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.932.273.773</b>	<b>3.932.273.773</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	2.580.273.324	2.580.273.324
- Khấu hao trong năm	225.333.408	225.333.408
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.805.606.732</b>	<b>2.805.606.732</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	1.352.000.449	1.352.000.449
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.126.667.041</b>	<b>1.126.667.041</b>

## 11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	953.937.274	1.033.785.546
Chi phí sửa chữa nền và chiếu sáng kho	595.144.268	-
Chi phí sửa chữa đường nội bộ	417.572.959	-
	<b>1.966.654.501</b>	<b>1.033.785.546</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	502.220.594
	-	<b>502.220.594</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HÙNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH nguyên phụ liệu An Thịnh	1.319.143.210	1.319.143.210	1.232.643.228	1.232.643.228
- ArvenCo GmbH	1.612.869.995	1.612.869.995	315.123.485	315.123.485
- Lu Feng Company Limited	1.119.006.829	1.119.006.829	2.474.953.830	2.474.953.830
- Lu Thai Textile Company Ltd	713.314.391	713.314.391	9.638.878.164	9.638.878.164
- Prominent Europe Limited	2.671.081.580	2.671.081.580	7.420.754.483	7.420.754.483
- Công ty Cổ phần Kết nối Thời trang	1.403.640.163	1.403.640.163	2.433.428.610	2.433.428.610
- Công ty TNHH Coats Phong Phú	955.718.760	955.718.760	1.223.682.348	1.223.682.348
- Freudenberg & Vilene International Ltd	908.583.666	908.583.666	1.313.545.372	1.313.545.372
- Advance Factory Limited	6.026.335.219	6.026.335.219	-	-
- London Paris Ltd	4.181.521.964	4.181.521.964	-	-
- Công ty TNHH LuThai (Việt Nam)	2.862.740.450	2.862.740.450	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	11.432.710.064	11.432.710.064	8.453.362.053	8.453.362.053
	<b>35.206.666.291</b>	<b>35.206.666.291</b>	<b>34.506.371.573</b>	<b>34.506.371.573</b>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Jermyn Street Guild PTY LTD	179.365.575	1.981.011.499
- Công ty Cổ phần Đầu tư K và G Việt Nam	3.630.910.162	-
- Các đối tượng khác	87.064.251	486.963.848
	<b>3.897.339.988</b>	<b>2.467.975.347</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HÙNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.729.473.203	1.729.473.203	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	4.962.813	4.962.813	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	364.630.010	1.969.517.156	1.850.603.641	-	-	-	-	483.543.525	483.543.525
Thuế Thu nhập cá nhân	-	24.433.248	325.813.188	317.561.364	-	-	-	-	32.685.072	32.685.072
Các loại thuế khác	-	-	6.993.854	6.993.854	-	-	-	-	-	-
	-	<b>389.063.258</b>	<b>4.036.760.214</b>	<b>3.909.594.875</b>	<b>3.909.594.875</b>	-	-	-	<b>516.228.597</b>	<b>516.228.597</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	16.920.383	-
- Trích trước tiền điện	129.557.766	52.718.650
	<b>146.478.149</b>	<b>52.718.650</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	1.010.641.975	753.712.088
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.074.949.071	3.572.555.052
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	54.142.000	5.037.897.000
- Phải trả tiền thuê đất Cục tài chính Bộ Quốc Phòng	310.690.517	-
- Phải trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 các khoản chi hộ và phải trả khác	1.410.415.144	809.997.926
- Phải trả Công ty TNHH TM Việt Lê tiền bảo hành công trình	350.410.500	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	674.953.587	908.880.994
	<b>7.886.202.794</b>	<b>11.083.043.060</b>
<b>b) Phải trả khác là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>	<b>1.410.415.144</b>	<b>809.997.926</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn	49.890.588.483	49.890.588.483	144.595.178.821	125.078.682.235	69.407.085.069	69.407.085.069
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	6.549.840.000	6.549.840.000	-	6.549.840.000	-	-
	<b>56.440.428.483</b>	<b>56.440.428.483</b>	<b>144.595.178.821</b>	<b>131.628.522.235</b>	<b>69.407.085.069</b>	<b>69.407.085.069</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Hợp đồng tín dụng số 9702.18.201.150497.TD ngày 03/04/2018, tại ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 85.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày kí đến nay 20/03/2019;
- + Lãi suất cho vay: 3,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 69.407.085.069 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng hàng tồn kho nguyên phụ liệu vải, thành phẩm vải và quyền thụ hưởng từ L/C xuất khẩu.

**b) Các khoản vay đối với bên liên quan**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Mối quan hệ VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay				
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	-	6.549.840.000	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.549.840.000</b>	<b>-</b>



## 18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>10.320.826.326</b>	<b>1.588.531.161</b>	<b>31.909.357.487</b>
Lãi trong năm trước	-	-	9.422.748.199	9.422.748.199
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	282.682.446	(282.682.446)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.428.691.654)	(4.428.691.654)
Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành	-	-	(471.137.410)	(471.137.410)
Tam chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>10.603.508.772</b>	<b>228.767.850</b>	<b>30.832.276.622</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>10.603.508.772</b>	<b>228.767.850</b>	<b>30.832.276.622</b>
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	9.925.316.025	9.925.316.025
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	297.759.481	(297.759.481)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(4.267.885.891)	(4.267.885.891)
Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành (**)	-	-	(694.772.122)	(694.772.122)
Điều chỉnh giảm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 (*)	-	-	94.227.482	94.227.482
Trích bổ sung quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành năm 2017 (*)	-	-	(188.454.964)	(188.454.964)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>10.901.268.253</b>	<b>4.799.438.899</b>	<b>35.700.707.152</b>

(\*) Công ty điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26 tháng 4 năm 2018.

## CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

## Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(\*\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2018 theo kế hoạch đã được Đại hội Cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26 tháng 4 năm 2018:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	9.925.316.025
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3,00%	297.759.481
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	43,00%	4.267.885.891
Trích Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	7,00%	694.772.122
Lợi nhuận chưa phân phối	47,00%	4.664.898.531

## b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	53,32%	10.664.000.000	53,32%	10.664.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	5,78%	1.156.000.000	5,78%	1.156.000.000
Nguyễn Văn Dũng	5,00%	1.000.000.000	5,00%	1.000.000.000
Các cổ đông khác	35,90%	7.180.000.000	35,90%	7.180.000.000
	<b>100%</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>20.000.000.000</b>

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	5.037.897.000	4.164.877.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	5.600.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	600.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	5.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(4.983.755.000)	(4.726.980.500)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(4.983.755.000)	(4.726.980.500)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	54.142.000	5.037.897.000

## d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.901.268.253	10.603.508.772
	<b>10.901.268.253</b>	<b>10.603.508.772</b>

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2018, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.196.315.000	2.196.315.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	12.110.750.000	11.473.750.000
- Trên 5 năm	3.408.750.000	6.135.750.000
	<b>17.715.815.000</b>	<b>19.805.815.000</b>

**b) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất quốc phòng số 2104/HĐ-BQP ngày 12/07/2012 tại 168 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm trụ sở công ty, nhà xưởng sản xuất, kinh doanh từ năm 2012 đến năm 2061. Diện tích khu đất thuê là 16.856 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	182.896,40	129.290,02

**d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Gestion Make Inc.	407.211.417	407.211.417

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018	Năm 2017 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	445.975.016.224	439.164.220.465
Doanh thu bán nguyên vật liệu	850.576.083	940.555.353
Doanh thu cung cấp dịch vụ	578.129.530	1.482.538.008
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.119.000.000	3.228.761.000
	<b>450.522.721.837</b>	<b>444.816.074.826</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<b>185.914.921</b>	<b>3.281.410.313</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	74.129.803	-
	<b>74.129.803</b>	<b>-</b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	406.374.951.242	406.605.205.220
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	737.634.605	812.658.006
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	160.417.142	868.371.801
Giá vốn kinh doanh bất động sản	632.935.908	399.379.944
	<b>407.905.938.897</b>	<b>408.685.614.971</b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	530.002.298	348.381.446
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	329.306.877	1.089.708.597
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	492.741.717	285.021.901
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.364.160
	<b>1.352.050.892</b>	<b>1.724.476.104</b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.688.408.077	1.438.910.367
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	748.501.114	53.263.306
Chi phí tài chính khác	2.673.259	-
	<b>2.439.582.450</b>	<b>1.492.173.673</b>

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.600.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.202.684.191	3.031.065.797
Chi phí khác bằng tiền	175.429.472	194.745.480
	<b>4.383.713.663</b>	<b>3.225.811.277</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.353.266.640	1.892.923.738
Chi phí nhân công	17.602.014.619	16.044.725.955
Thuế, phí, lệ phí	879.971.683	1.150.155.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	660.994.878	350.786.756
Chi phí khác bằng tiền	3.847.165.407	2.471.203.119
	<b>25.343.413.227</b>	<b>21.909.795.135</b>

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	123.636.363	29.090.909
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	31.616.550	-
Thu nhập khác	18.949.724	81.487.349
	<b>174.202.637</b>	<b>110.578.258</b>

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	7.364.145	12.988.354
	<b>7.364.145</b>	<b>12.988.354</b>

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.894.833.181	11.324.745.778
Các khoản điều chỉnh tăng	93.709.000	275.242.115
- Chi phí không hợp lệ	93.709.000	275.242.115
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.090.000.000)	(2.090.000.000)
- Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	(2.090.000.000)	(2.090.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.898.542.181	9.509.987.893
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>1.979.708.436</b>	<b>1.901.997.579</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(10.191.280)	3.571.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	364.630.010	334.814.451
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.850.603.641)	(1.875.753.020)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>483.543.525</b>	<b>364.630.010</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(\*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/28/HP-TNH/2009 ngày 06 tháng 05 năm 2009 và biên bản bổ sung hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/28/HP-TNH/2009 ngày 25/04/2013, Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú góp vốn bằng quyền sử dụng 1.490m2 tại số 168 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, Tp.HCM để Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Thiên Nam Hòa xây dựng trung tâm thương mại để kinh doanh. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú được hưởng lợi nhuận sau thuế cố định theo từng năm nên Công ty loại trừ ra khỏi thu nhập chịu thuế. Khoản thu nhập này đang được phản ánh trên doanh thu kinh doanh bất động sản.

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.925.316.025	9.422.748.199
Các khoản điều chỉnh:	(4.962.658.013)	(4.899.829.064)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(4.962.658.013)	(4.899.829.064)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.962.658.012	4.522.919.135
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.481</b>	<b>2.261</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26 tháng 4 năm 2018, Công ty dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018.

**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	282.391.704.743	299.802.526.220
Chi phí nhân công	98.306.273.947	95.816.892.433
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.464.333.678	6.009.291.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.013.567.748	29.058.908.687
Chi phí khác bằng tiền	12.793.464.920	11.573.178.798
	<b>431.969.345.036</b>	<b>442.260.797.304</b>

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.045.930.713	-	18.677.275.380	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.720.775.827	-	28.753.416.591	-
	<b>66.766.706.540</b>	<b>-</b>	<b>47.430.691.971</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	69.407.085.069	56.440.428.483
Phải trả người bán, phải trả khác	43.092.869.085	45.589.414.633
Chi phí phải trả	146.478.149	52.718.650
	<b>112.646.432.303</b>	<b>102.082.561.766</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
	trở xuống	đến 5 năm		
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.045.930.713	-	-	17.045.930.713
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.720.775.827	-	-	49.720.775.827
	<b>66.766.706.540</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>66.766.706.540</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Từ 1 năm	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
	trở xuống	đến 5 năm		
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.677.275.380	-	-	18.677.275.380
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.753.416.591	-	-	28.753.416.591
	<b>47.430.691.971</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>47.430.691.971</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
	trở xuống	đến 5 năm		
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Vay và nợ	69.407.085.069	-	-	69.407.085.069
Phải trả người bán, phải trả khác	43.092.869.085	-	-	43.092.869.085
Chi phí phải trả	146.478.149	-	-	146.478.149
	<b>112.646.432.303</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>112.646.432.303</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	56.440.428.483	-	-	56.440.428.483
Phải trả người bán, phải trả khác	45.589.414.633	-	-	45.589.414.633
Chi phí phải trả	52.718.650	-	-	52.718.650
	<b>102.082.561.766</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>102.082.561.766</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	144.595.178.821	153.632.842.392
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	131.318.603.909	141.649.680.485



**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Theo khu vực địa lý**

	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	371.279.101.001	79.169.491.033	450.448.592.034
Tài sản bộ phận	176.734.724.207	1.126.667.041	177.861.391.248
Tổng chi phí mua TSCĐ	7.811.609.091	-	7.811.609.091

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bình Phú	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần 28.1	Công ty con cùng tập đoàn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 17.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>185.914.921</b>	<b>3.281.410.313</b>
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	-	2.203.638.683
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	185.914.921	1.046.558.054
Công ty Cổ phần Bình Phú	-	31.213.576
<b>Mua vật tư, nguyên liệu</b>	<b>185.914.921</b>	<b>534.687.789</b>
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	185.914.921	534.687.789
<b>Chia cổ tức</b>	<b>2.666.000.000</b>	<b>2.666.000.000</b>
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	2.666.000.000	2.666.000.000
<b>Nhận tiền vay</b>	<b>-</b>	<b>6.549.840.000</b>
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	-	6.549.840.000
<b>Chi trả tiền vay</b>	<b>6.549.840.000</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	6.549.840.000	-
<b>Lãi vay</b>	<b>87.331.200</b>	<b>127.440.570</b>
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	87.331.200	127.440.570

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>17.550.000</b>	<b>574.444.107</b>
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	17.550.000	574.444.107
<b>Phải trả khác</b>	<b>1.410.415.144</b>	<b>809.997.926</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.410.415.144	809.997.926

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	494.204.135	503.695.669
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	446.858.878	422.074.739

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
<b>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	444.816.074.826	442.726.074.826
Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.724.476.104	3.814.476.104

  
**Nguyễn Thanh Định**  
 Người lập

  
**Tăng Hùng**  
 Kế toán trưởng

  
**Trần Kim Quỳnh**  
 Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019





# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

TP.HCM, ngày 9 tháng 4 năm 2019

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Tổng Giám đốc



**Trần Kim Quỳnh**